



Việt Nam: Dự án Hỗ trợ Phát triển các Khu vực Biên giới

Tên Dự án	Dự án Hỗ trợ Phát triển các Khu vực Biên giới	
Mã số Dự án	48189-002	
Quốc gia	Việt Nam	
Trạng thái của Dự án	Đã phê duyệt	
Phân loại Dự án/ Phương thức hỗ trợ	Vốn vay	
Nguồn tài trợ/ Trị giá tài trợ	Khoản vay 3499-VIE: Hỗ trợ Phát triển các Khu vực Biên giới	
	Nguồn vốn vay thông thường ưu đãi/ Quỹ Phát triển Châu Á	106,51 triệu USD
Chương trình nghị sự chiến lược	Tăng trưởng bền vững về môi trường Tăng trưởng kinh tế đồng đều Hội nhập khu vực	
Động lực thay đổi	Quản trị nhà nước và xây dựng năng lực Các giải pháp tri thức Phát triển khu vực tư nhân	
Phân ngành/ Tiểu ngành	Công nghiệp và thương mại - Thương mại và dịch vụ Giao thông - Giao thông đường bộ (phi đô thị)	
Bình đẳng giới và lồng ghép giới	Lồng ghép giới hiệu quả	
Mô tả	Dự án đề xuất sẽ hỗ trợ các mục tiêu của Tam giác Phát triển (DTA) Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV) về tạo thuận lợi cho dòng lưu thông hàng hóa, con người, vốn đầu tư và khai thác tiềm năng về nông nghiệp, lâm nghiệp và du lịch bằng cách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong khu vực Tam giác Phát triển Việt Nam (VDTA) bao gồm năm tỉnh Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước. Tam giác Phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV-DTA) có đặc trưng là mật độ tập trung cao của người dân tộc thiểu số, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thấp, và	

các nhóm nghèo dai dẳng. Những rào cản chính đối với tăng trưởng đồng đều bao gồm thiếu cơ sở hạ tầng giao thông và hạ tầng cơ bản khác, gồm thủy lợi, cấp nước và xử lý nước thải, đường giao thông nông thôn; cũng như hạn chế trong năng lực thể chế. Để cải thiện hiệu quả đầu tư công và thu được lợi ích từ tính kinh tế theo quy mô và sự đồng hành giữa các dự án đang được triển khai hoặc lên kế hoạch, Chính phủ ngày càng ủng hộ cách tiếp cận vùng tổng hợp, theo đó các địa phương ở gần nhau phối hợp đạt được các mục tiêu phát triển chung và cùng nhau nâng cao khả năng cạnh tranh. Cách tiếp cận phát triển vùng tổng hợp cũng được khuyến nghị trong Đánh giá cuối kỳ Chiến lược Đối tác Quốc gia Việt Nam 2012-2015 do Vụ Đánh giá Độc lập của ADB tiến hành như một phương thức để bảo đảm tính đồng hành và tối đa hóa phạm vi bao phủ và những tác động phát triển khác của các dự án. Dự án đề xuất sẽ hỗ trợ cơ chế phát triển vùng này trong VDTA.

Cơ sở của Dự án và mối liên hệ với Chiến lược quốc gia/ Khu vực

Mặc dù có sự gia tăng ổn định trong sản xuất và xuất khẩu nông nghiệp, cũng như giảm nghèo tổng thể trong những năm gần đây, các tỉnh thuộc Tam giác Phát triển Việt Nam (VDTA) vẫn đang phải đối mặt với những thách thức phát triển, đặc biệt là tăng trưởng thấp, bất bình đẳng thu nhập và phi thu nhập tồn tại dai dẳng trong các nhóm dễ bị tổn thương và yếu thế, cũng như tính cạnh tranh thấp chủ yếu do thiếu hụt cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, các cơ hội phát triển kinh doanh và sinh kế chưa được khai mở, và năng lực thể chế yếu kém trong quy hoạch đầu tư và quản lý nguồn lực. Khu vực VDTA có dân số 5.114.780 người, trong số đó 33% là người dân tộc thiểu số, với diện tích 51.552km². Khoảng 77% dân số ở nông thôn với nông nghiệp là sinh kế chủ đạo. GDP bình quân đầu người trong khu vực VDTA ở mức 1.683 USD trong năm 2014, bằng khoảng 80% mức trung bình toàn quốc. Năm 2014, tỷ lệ nghèo trung bình của các tỉnh dự án là khoảng 9% theo mức nghèo quốc gia, cao hơn so với tỷ lệ 6% trung bình toàn quốc, nhưng đối với người dân tộc thiểu số, tỷ lệ này là 19%. Tại tất cả các tỉnh VDTA, tỷ lệ người dân tộc thiểu số nghèo trong tổng số người nghèo của tỉnh cao hơn nhiều so với tỷ lệ đại diện của người dân tộc thiểu số trong dân cư toàn tỉnh, ở mức 47% ở Bình Phước, 63% ở Đắk Lắk, 62% ở Đắk Nông, 85% ở Gia Lai và 93% ở Kon Tum. Điều này cho thấy rằng các dân tộc thiểu số không được hưởng lợi nhiều từ quá trình phát triển. Các dân tộc thiểu số trong VDTA cũng bị hạn chế trong tiếp cận các tài sản và cơ hội kinh tế, cũng như các dịch vụ xã hội. VDTA là nơi có sản lượng nông nghiệp lớn nhất trong khu vực CLV-DTA, với năm loại cây công nghiệp chính gồm cà phê, cao su, tiêu, sắn và hạt điều, đều đang được giao dịch trên các thị trường hàng hóa quốc tế, song chất lượng nông sản thấp khiến người nông dân và các thương nhân địa phương không tận dụng được hết nhu cầu hiện thời cũng như tiềm tàng. Đa số hàng xuất khẩu được vận chuyển tới cảng ở Thành phố Hồ Chí Minh qua trục chính là Quốc lộ 14, nhưng một số vùng sản xuất trong VDTA không có kết nối với tuyến quốc lộ này và do vậy, các nhà sản xuất nông nghiệp tại đó bị lỡ một cơ hội thu nhập then chốt. VDTA có ba cửa khẩu quốc tế chính với cơ sở vật chất chỉ đủ để đáp ứng mức giao dịch hiện thời. Mặc dù VDTA có rất nhiều đặc điểm du lịch thú vị, song số lượng du khách là rất khiêm tốn với mức tăng trưởng hạn chế do cơ sở hạ

tầng cơ bản kém phát triển và chuỗi giá trị du lịch chưa được xây dựng.

Dự án sẽ giúp VDTA khắc phục những trở ngại này bằng cách (i) xây dựng tính kết nối giao thông lớn hơn và an toàn hơn thông qua nâng cấp các tuyến đường chính nối người sản xuất với thị trường, và các xã nông thôn với các trung tâm thương mại - hành chính; (ii) cải thiện tiếp cận tới trường học và các cơ sở y tế; (iii) hỗ trợ giao thông và tạo thuận lợi thương mại; (iv) thúc đẩy du lịch dựa vào cộng đồng toàn diện để cải thiện sinh kế của người dân nông thôn, đặc biệt là các cộng đồng dân tộc thiểu số chưa được hưởng lợi từ sự phát triển kinh tế gần đây; và (v) tăng cường năng lực của tỉnh để quy hoạch đầu tư mang tính chiến lược hơn và quản lý dự án hiệu quả hơn. Các tiếp cận vùng tổng hợp này sẽ giúp các xã nông thôn đa dạng hóa cơ hội kinh tế và việc làm, bằng cách kết nối họ với dòng luân chuyển thương mại và hành khách đang ngày càng gia tăng.

Chính sách và chiến lược có liên quan. Dự án nhất quán với Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (SEDP) 2016-2020, bao gồm mục tiêu mở rộng thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu và duy trì thặng dư thương mại. Cụ thể, SEDP đề xuất tăng cường các thị trường trong nước và thúc đẩy xuất khẩu thông qua sự gắn kết chặt chẽ hơn giữa sản xuất, chế biến và phân phối; cải thiện chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm địa phương, đặc biệt các sản phẩm được coi là thương hiệu của Việt Nam; và tận dụng tối đa các cơ chế ưu đãi hiện thời và tiềm tàng trong các hiệp định thương mại tự do.

Tác động	Thúc đẩy và thiết lập cửa ngõ để năm tỉnh VDTA tiếp cận các thị trường khu vực và quốc tế rộng hơn.
----------	---

Kết quả Dự án

Mô tả kết quả Dự án	Tăng lưu lượng giao thương hàng hóa, phương tiện và con người trong năm tỉnh thuộc VDTA
---------------------	---

Tiến triển đạt tới kết quả

Tiến độ thực hiện

Mô tả các đầu ra của Dự án	Cải tạo cơ sở hạ tầng đường bộ trong năm tỉnh VDTA. Xây dựng quy hoạch và cơ sở vật chất trong VDTA về giao thông và tạo thuận lợi thương mại, chú trọng vào tăng trưởng đồng đều. Tăng cường năng lực thể chế về quy hoạch đầu tư, thiết kế và thực thi dự án, và quản lý nguồn lực trong VDTA.
----------------------------	--

Hiện trạng tiến độ thực hiện
(các đầu ra, hoạt động, và vấn
đề)

Vị trí địa lý

Phân loại bảo trợ

Môi trường B

Tái định cư bắt buộc B

Dân tộc bản địa B

Tóm tắt các khía cạnh môi trường và xã hội

Các khía
cạnh môi
trường

Tái định cư
bắt buộc

Dân tộc bản
địa

Tham vấn, tham gia và truyền thông với các bên hữu quan

Trong giai
đoạn thiết
kế dự án Dự án sẽ được thiết kế theo cách thức có sự tham vấn và tham gia của các bên liên quan. Quan điểm và ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, đặc biệt là các cơ quan chính phủ và chính quyền địa phương (ví dụ Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Giao thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân tỉnh của năm tỉnh thuộc vùng dự án), và các đối tác phát triển sẽ được xem xét cẩn trọng trong dự án đề xuất này.

Trong giai
đoạn thực
hiện dự án Dự án sẽ được triển khai theo cách thức có sự tham vấn và tham gia của các bên liên quan. Quan điểm và ý kiến đóng góp của các bên có liên quan, đặc biệt là các cơ quan chính phủ và chính quyền địa phương (ví dụ Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Giao thông, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban Nhân dân tỉnh của năm tỉnh thuộc vùng dự án), và các đối tác phát triển sẽ được xem xét cẩn trọng trong dự án đề xuất này.

Nhân sự chịu trách nhiệm

Cán bộ phụ trách của ADB	Ahonen, Arto T.
Vụ phụ trách Dự án	Vụ Đông Nam Á
Ban phụ trách Dự án	Cơ quan Đại diện Thường trú tại Việt Nam
Cơ quan chủ quản Dự án	<p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước WEB@BINHPHUOC.GOV.VN Đường 6/1, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài</p> <p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk UBND@DAKLAK.GOV.VN Số 9 Lê Duẩn, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam</p> <p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai VPUBNDTINH@GIALAI.VN Số 2 Trần Phú, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku</p> <p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Kon Tum VPUBND@KONTUM.GOV.VN 492 Trần Phú, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum</p> <p>Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Nông VPUBND@DAKNONG.GOV.VN Đường 23/3, Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa Tỉnh Đắk Nông</p>

Lịch trình Dự án

Ngày thông qua Đề cương dự án	19 tháng 12 năm 2014
Đoàn công tác thẩm định Dự án	30 tháng 05 năm 2016 tới 18 tháng 06 năm 2016
Họp thẩm định	25 tháng 07 năm 2016
Ngày phê duyệt	08 tháng 12 năm 2016
Đoàn đánh giá Dự án gần nhất	-
Ngày cập nhật Bảng dữ liệu Dự án gần nhất	08 tháng 12 năm 2016

Khoản vay 3499-VIE

Các mốc chính

Ngày phê duyệt	Ngày ký kết	Ngày hiệu lực	Ngày đóng dự án
----------------	-------------	---------------	-----------------

			Ban đầu	Sửa đổi	Thực tế
08/12/2016	-	-	30/06/2023	-	-

Kế hoạch tài chính			Sử dụng vốn vay		
	Tổng (triệu USD)	Ngày	ADB	Khác	Tỷ lệ ròng
Chi phí dự án	122,11	Lũy kế trao thầu			
ADB	106,51	08/12/2016	0,00	0,00	0%
Đối ứng	15,60	Lũy kế giải ngân			
Đồng tài trợ	0,00	08/12/2016	0,00	0,00	0%

Bảng dữ liệu Dự án (PDS) bao gồm thông tin tóm tắt về một dự án hoặc chương trình cụ thể: Do Bảng dữ liệu Dự án mô tả các hoạt động đang diễn ra, nên một số thông tin có thể chưa được đưa vào trong bản đầu tiên; chúng sẽ được bổ sung khi có dữ liệu. Thông tin về các dự án đề xuất chỉ là dự kiến.

Các thông tin mà ADB cung cấp trong Bảng dữ liệu Dự án (PDS) này chỉ đơn thuần là nguồn tham khảo cho người dùng và không có bất kỳ bảo đảm nào. Mặc dù ADB cố gắng cung cấp nội dung có chất lượng cao, song các thông tin được đưa ra “như hiện thời” mà không có bất kỳ bảo đảm nào, dù được thể hiện hay ngụ ý, bao gồm - nhưng không hạn chế trong - các bảo đảm về tính khả dụng, tính phù hợp với một mục đích cụ thể, và không vi phạm. ADB đặc biệt không đưa ra bất kỳ bảo đảm hoặc cam đoan nào liên quan tới tính chính xác hoặc đầy đủ của các thông tin này.